

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Nhà ở xã hội Ecohome Nhơn Bình tại phường Nhơn Bình, thành phố
Quy Nhơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Ecohome Nhơn Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Nhà ở xã hội Ecohome Nhơn Bình của Công ty TNHH Ecohome Nhơn Bình tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 22/4/2020;

Xét nội dung báo cáo báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Nhà ở xã hội Ecohome Nhơn Bình đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm công văn số 21/2020/BB-NB ngày 05/5/2020 của Công ty TNHH Ecohome Nhơn Bình;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 374/TTr-STNMT ngày 15/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Nhà ở xã hội Ecohome Nhơn Bình của Công ty TNHH Ecohome Nhơn Bình với các nội dung chính tại Phụ lục đính kèm theo Quyết định.

Điều 2. Trách nhiệm của Công ty TNHH Ecohome Nhơn Bình

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND phường Nhơn Bình theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án, bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

4. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

5. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

6. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu dự án không được triển khai, chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TN & MT (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TN & MT;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND phường Nhơn Bình;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu

Phụ lục:
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI ECOHOME NHƠN BÌNH
CỦA CÔNG TY TNHH ECOHOME NHƠN BÌNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

- 1.1. Tên dự án: Nhà ở xã hội Ecohome Nhơn Bình.
- 1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Ecohome Nhơn Bình.
- 1.3. Địa điểm: phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- 1.4. Phạm vi, quy mô dự án: tổng diện tích dự án là 46.034 m², gồm 05 khối chung cư nhà ở xã hội (NOXH) (2 khối 13 tầng , 467 căn hộ và 03 khối 16 tầng, 888 căn hộ), với dân số dự kiến khoảng 3.369 người.
- 1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án: đầu tư xây dựng 05 khối chung cư, nhà liên kế phố thương mại, nhà tái định cư, trường học.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Giai đoạn thi công xây dựng: bụi từ quá trình phá dỡ các công trình hiện hữu, bụi từ quá trình đào đắp đất, san lấp mặt bằng; bụi từ quá trình đào tầng hầm công trình NOXH; bụi, khí thải do quá trình vận chuyển đất san nền; bụi trong quá trình thi công xây dựng; bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng; khí thải phát sinh từ máy móc, thiết bị thi công; nước thải sinh hoạt; nước thải từ quá trình thi công, nước mưa chảy tràn; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn nguy hại.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ quá trình giao thông, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn xây dựng: nước thải do hoạt động thi công xây dựng: khoảng 4 m³/ngày; nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 3,6 m³.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 355,77 m³/ngày.

- Tính chất nước thải: nước thải sinh hoạt có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn xây dựng: bụi từ quá trình phá dỡ các công trình hiện hữu, bụi từ quá trình đào đắp đất, san lấp mặt bằng; bụi từ quá trình đào tầng hầm công trình NOXH; bụi, khí thải do quá trình vận chuyển đất san nền; bụi trong quá trình thi

công xây dựng; bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng; khí thải phát sinh từ máy móc, thiết bị thi công.

- Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án; khí thải từ các hoạt động nấu nướng của người dân.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) công nghiệp thông thường

- Trong giai đoạn xây dựng: CTR từ quá trình phát quang khoảng 20,6 tấn; CTR từ quá trình phá dỡ các công trình hiện hữu khoảng 375 m³, CTR từ quá trình nạo vét (bùn, chất hữu cơ) khoảng 11.571,64 m³, CTR sinh hoạt khoảng 68,5kg/ngày, CTR xây dựng khoảng 5,65 tấn.

- Trong giai đoạn hoạt động: CTR sinh hoạt khoảng 3.032,1 kg/ngày; bùn từ bể tự hoại khoảng 203,76 kg/6 tháng; bùn từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 75,63 kg/ngày.

- Tính chất của CTR: CTR sinh hoạt có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi; CTR từ vét hữu cơ, đào đất có thành phần bùn, sét lỏng, dễ phát tán vào môi trường nước.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

- Giai đoạn xây dựng: phát sinh với tổng khối lượng khoảng 37 kg/tháng.

- Giai đoạn hoạt động phát sinh với tổng khối lượng khoảng 45 kg/năm.

- Tính chất CTNH: chủ yếu là pin, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang,...chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm và gây ngộ độc.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Nước thải sinh hoạt

- Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung, công suất 710 m³/ngày.đêm tại phía Đông Bắc dự án để xử lý nước thải đảm bảo theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (K = 1) trước khi thải ra mương nước nội đồng (nằm ngoài dự án) ở phía Đông Bắc khu vực Dự án (tọa độ điểm đầu nối: 602.050; 1.526.662).

- Việc đầu nối nước thải sau xử lý, cụ thể như sau:

+ Giai đoạn hạ tầng khung khu vực chưa hoàn thiện: nước thải sau xử lý được đầu nối vào mương nước nội đồng (nằm ngoài dự án) ở phía Đông Bắc khu vực Dự án.

+ Giai đoạn hạ tầng khung khu vực hoàn thiện (theo Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh về việc kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung trên địa bàn thành phố Quy Nhơn đến năm 2025):

nước thải sau xử lý được đầu nối vào tuyến thu gom (D600) tại phía Đông Bắc Dự án (tọa độ 601.936; 1.526.406) và dẫn về Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình.

+ Sơ đồ công nghệ xử lý:

Nước thải sinh hoạt (xử lý sơ bộ) → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → thải ra mạng nước nội đồng ở phía Đông Bắc khu vực Dự án (đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số k=1).

+ Quy trình vận hành: Nước thải sinh hoạt sau khu xử lý sơ bộ được bơm qua các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Hệ thống xử lý nước thải tập trung được thiết kế vận hành tự động, thời gian vận hành liên tục 24/24h.

b. Nước mưa chảy tràn: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải (cống BTCT đường kính từ D300 – D1000), điểm đầu nối nước mưa ở vị trí mạng nước nội đồng tiếp giáp phía Đông Dự án, sau đó thoát ra đầm Thị Nại. Về lâu dài, nước mưa sẽ đầu nối với hạ tầng khung của khu vực.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Lập rào chắn bằng tôn xung quanh khu vực Dự án trước khi thi công, hạn chế các tác động đến khu vực lân cận.

- Phân luồng giao thông, bố trí mật độ xe ra vào dự án phù hợp tránh ùn tắc giao thông và che chắn phương tiện vận chuyển đảm bảo (xe thùng, phủ bạt kín).

- Phun ẩm tại khu vực dự án và tuyến đường vận chuyển vào các thời điểm phát sinh nhiều bụi, nắng nóng, tần suất từ 2 lần/ngày, đặc biệt tại tuyến đường đi qua chợ Dinh.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường và CTNH:

- Giai đoạn xây dựng:

+ CTR sinh hoạt: Đặt khoảng 3 thùng 240 lít có nắp đậy để thu gom rác.

+ CTR xây dựng: thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng quy định; riêng đối với đất đào tầng hầm được tận dụng để san lấp mặt bằng trong khu vực Dự án; lượng bùn vét, đất bóc hữu cơ được vận chuyển đổ tại khu vực cây xanh.

- CTR sinh hoạt:

+ Bố trí các thùng chứa rác (khoảng 41 thùng 240 lít có nắp đậy) dọc theo tuyến đường nội bộ của Dự án và các hành lang của trường học và dịch vụ công cộng.

+ Khu vực chung cư NOXH bố trí các phòng chứa rác tại các tầng, diện tích 2,23 m²/ phòng và nhà chứa rác diện tích 30 m² tại ngoài khối NOXH 4.

- CTNH: CTNH sẽ được thu gom vào các thùng chứa riêng và tập trung về thùng chứa chất thải nguy hại đặt tại nhà chứa rác ở mỗi tầng. Chủ đầu tư ký hợp

đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải này theo đúng quy định.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc thiết bị.
- Có các biển báo hạn chế tốc độ đối với các phương tiện giao thông.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Giai đoạn xây dựng: Ban hành nội quy cụ thể về an toàn sử dụng điện, an toàn phòng cháy chữa cháy và sử dụng các phương tiện thi công tại công trường nhằm tránh nguy cơ xảy ra tai nạn lao động.

- Giai đoạn hoạt động: Thường xuyên kiểm tra, vận hành đúng quy trình hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra; ban hành nội quy cụ thể về an toàn sử dụng điện, an toàn PCCC và dán ngay tại các căn hộ để cảnh báo người dân về nguy cơ cháy nổ; lập bảng hướng dẫn và sơ đồ phòng cháy chữa cháy tại một số khu vực tập trung; bố trí sơ đồ thoát hiểm cho người dân khi có sự cố.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa.
- Hệ thống thu gom, thoát nước thải.
- Hệ thống xử lý nước thải, công suất 710 m³/ngày.đêm
- Nhà chứa CTR sinh hoạt, diện tích 30 m².
- Khu vực lưu chứa CTNH.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Trong giai đoạn thi công xây dựng, vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại, Chủ dự án thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: Khu vực tiếp giáp khu dân cư hiện trạng phía Đông.
- Thông số giám sát: bụi, ồn, CO, NO₂, SO₂. Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

b. Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại: về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ.

c. Giám sát sụt lún công trình, nứt tường nhà dân tại khu dân cư phía Đông.

5.2. Giám sát môi trường trong vận hành thử nghiệm

- Vị trí giám sát: bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng, bể khử trùng. Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – cột B, K=1.

- Tần suất quan trắc: theo quy định tại Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Các chỉ tiêu giám sát là: pH, BOD₅, TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliforms.

5.3. Giám sát vận hành thương mại

a. Giám sát chất thải rắn

- Vị trí giám sát: Nhà chứa rác.

- Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom, tình hình thu gom và việc lưu giữ.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

b. Giám sát nước thải sinh hoạt

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại hố ga nước thải đầu vào (Tọa độ: 601.992; 1.526.575) và tại điểm xả sau bể khử trùng (Tọa độ: 602.002; 1.526.589). Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – cột B, K = 1.

- Các chỉ tiêu giám sát là: pH, BOD₅, TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliforms.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.